

CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI: ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN, THÁCH THỨC HỘI NHẬP VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

ĐẶNG NGUYỄN ANH*

Tóm tắt: Bài viết phân tích đặc điểm xuyên quốc gia của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và làm rõ các động lực, rào cản trong việc khai thác tiềm năng kiều bào trong bối cảnh toàn cầu hóa. Người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc, là nguồn lực xuyên quốc gia quan trọng, vừa hội nhập tại các nước sở tại, vừa đóng góp vào phát triển kinh tế, đầu tư và văn hóa của đất nước. Thông qua chuyển giao tri thức, nguồn lực kinh tế và đầu tư tài chính, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài vừa là động lực phát triển tích cực, vừa cần được hỗ trợ để củng cố gắn kết, bảo tồn bản sắc văn hóa Việt và hội nhập bền vững. Bài viết kết luận với một số hàm ý chính sách và gợi mở nghiên cứu nhằm phát huy tối đa tiềm năng của người Việt Nam ở nước ngoài, góp phần phát triển bền vững đất nước.

Từ khóa: người Việt Nam ở nước ngoài, kiều bào, cộng đồng di cư, động lực phát triển, gắn kết, hội nhập.

Nhận bài: 23/7/2025

Gửi phản biện: 12/8/2025

Duyệt đăng: 21/10/2025

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, di cư quốc tế nổi lên như một hiện tượng xã hội-kinh tế có ảnh hưởng lớn trong thế kỷ XXI. Theo Tổ chức Di cư quốc tế (IOM, 2024), thế giới hiện có trên 281 triệu người di cư quốc tế, chiếm khoảng 3,6% dân số toàn cầu. Con số này cho thấy sự dịch chuyển lớn lao động, tri thức và vốn xã hội xuyên quốc gia, đồng thời nhấn mạnh vai trò ngày càng quan trọng của các cộng đồng di cư trong việc định hình quan hệ quốc tế, hợp tác khu vực và toàn cầu. Trong dòng chảy đó, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài (NVNONN) đã hình thành, phát triển và trở thành một bộ phận hữu cơ của dân tộc, đồng thời là cầu nối quan trọng giữa Việt Nam và thế giới.

Theo số liệu của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, tính đến năm 2023, cộng đồng NVNONN đã lên tới khoảng 6,2 triệu người, sinh sống tại hơn 130 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó khoảng 80% định cư lâu dài ở các nước phát triển. Đây là một cộng đồng đông đảo, đa dạng về thành phần, trải rộng ở nhiều khu vực, từ các nước phát triển (Mỹ, Canada, Pháp, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc) cho đến các quốc gia trong

* Viện Xã hội học và Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

khu vực Đông Nam Á¹. Sự đa dạng này không chỉ biểu hiện qua khu vực địa lý mà còn ở thành phần xã hội, mục đích di cư, lĩnh vực hoạt động, và mức độ hội nhập. Việc phân tích đặc điểm cộng đồng theo các giai đoạn lịch sử giúp làm rõ xu hướng chuyển đổi nhận diện các nhóm trọng tâm và tiềm năng đóng góp cho Việt Nam.

Trong bối cảnh phát triển và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc xây dựng chính sách toàn diện đối với cộng đồng NVNONN trở thành yêu cầu cấp thiết. Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác NVNONN đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng, là kim chỉ nam cho các hoạt động liên quan đến NVNONN. Đảng và Nhà nước luôn khẳng định NVNONN là một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc, có vai trò quan trọng trong việc củng cố quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam với các quốc gia. Trên tinh thần đó, nhiều chính sách cởi mở cùng các biện pháp cụ thể đã được triển khai nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho kiều bào về thăm quê hương, gắn kết gia đình, tham gia đầu tư, kinh doanh, hợp tác khoa học-công nghệ, cũng như đóng góp vào các hoạt động văn hóa-thể thao-du lịch (Ủy ban Nhà nước về NVNONN, 2023).

Trên thực tế, cộng đồng NVNONN ngày càng khẳng định vai trò là một nguồn lực quan trọng đối với sự phát triển đất nước. Động lực này bắt nguồn từ nhu cầu nội tại của cộng đồng trong việc duy trì gắn bó với quê hương, khẳng định bản sắc dân tộc, đồng thời được thúc đẩy bởi chính sách cởi mở và sự quan tâm của Đảng, Nhà nước dành cho kiều bào. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, viễn thông và truyền thông hiện đại cũng tạo điều kiện thuận lợi để NVNONN kết nối thường xuyên, huy động hiệu quả các nguồn lực trí tuệ, tài chính và văn hóa cho sự nghiệp xây dựng, hội nhập của Việt Nam. Hiện nay, Việt Nam nằm trong nhóm 10 quốc gia nhận kiều hối lớn nhất thế giới, tạo nguồn vốn quan trọng cho đầu tư và an sinh xã hội. Cùng với đó, ngày càng nhiều trí thức, doanh nhân kiều bào đầu tư, kết nối với trong nước để khởi nghiệp, chuyển giao công nghệ và hợp tác trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, y tế, giáo dục, năng lượng tái tạo. Không chỉ đóng góp về kinh tế, NVNONN còn lan tỏa giá trị văn hóa Việt, thúc đẩy ngoại giao nhân dân, góp phần nâng cao hình ảnh và vị thế quốc tế của Việt Nam.

Tuy nhiên, cộng đồng NVNONN cũng đang đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình hội nhập. Ở nước sở tại, không ít người Việt phải đối diện với các rào cản về pháp lý, khó khăn trong tiếp cận thị trường lao động có chất lượng, một số bị kỳ thị và phân biệt đối xử. Cộng đồng NVNONN hiện nay phân tán rộng khắp về địa lý, tồn tại khác biệt giữa các thế hệ và đối diện với nguy cơ mai một ngôn ngữ tiếng Việt, bản sắc văn hóa dân tộc. Trong mối liên hệ với quê hương, vẫn còn những hạn chế về chính sách, thủ tục và thiếu các kênh kết nối thuận tiện, khiến tiềm năng của cộng đồng chưa được khai thác hiệu quả. Bên cạnh đó, bối cảnh quốc tế có nhiều biến động, từ khủng hoảng kinh tế, dịch bệnh toàn cầu cho đến cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, cũng đặt NVNONN trước thách thức mới, đòi hỏi có giải pháp linh hoạt và đồng bộ hơn để phát huy vai trò của cộng đồng.

¹ Lớn nhất là cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ với khoảng 2,2 triệu người, tiếp đến là Pháp (300 nghìn), Úc (350 nghìn), Canada (250 nghìn), Đức (200 nghìn), Nga (150 nghìn) và Cộng hòa Séc (100 nghìn). Ngoài ra, còn có hàng chục nghìn người Việt sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Ba Lan và nhiều nước ASEAN (Ủy ban Nhà nước về NVNONN, 2023).

Chủ đề nghiên cứu còn ít được biết đến cho đến nay. Dựa vào nguồn tài liệu thứ cấp, bài viết tập trung làm rõ vai trò kép của NVNONN: một mặt là nguồn lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, tri thức, văn hóa và quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam; mặt khác là cộng đồng cần thích ứng và hội nhập với những điều kiện chính trị, xã hội, kinh tế của nước sở tại. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm phát huy và khai thác hiệu quả tiềm năng kiều bào, đồng thời tháo gỡ rào cản để tăng cường gắn kết bền vững với quê hương, góp phần thiết thực vào sự phát triển đất nước.

2. Cơ sở lý luận và khung phân tích

Để phân tích vai trò phát triển cũng như những thách thức trong quá trình hội nhập của cộng đồng NVNONN, trước hết cần xác định rõ các khái niệm, cơ sở lý thuyết và cách tiếp cận phân tích. Cộng đồng người di cư (diaspora) là tập hợp những cá nhân rời khỏi quê hương để sinh sống, học tập hoặc làm việc tại nước sở tại trong thời gian dài hay ngắn hạn (IOM, 2024). Trong nghiên cứu này, “kiều bào” (overseas Vietnamese) được xác định là những người gốc Việt và người có quốc tịch Việt Nam cư trú lâu dài ở nước ngoài, bao gồm các thế hệ thứ nhất, thứ hai và thứ ba, duy trì các mối liên hệ văn hóa, kinh tế và xã hội với quê hương. “Hội nhập xã hội” được hiểu là quá trình NVNONN tham gia và thích ứng vào các hệ thống kinh tế, xã hội, văn hóa, chính trị của nước sở tại, đồng thời bảo tồn bản sắc riêng, khác với “hòa nhập xã hội” vốn mang tính quan hệ và bản sắc khi NVNONN cảm thấy mình thuộc về và được thừa nhận bởi xã hội sở tại. “Hàm ý chính sách” là những gợi mở định hướng nhằm phát huy nguồn lực kiều bào, hỗ trợ hội nhập và củng cố gắn kết hai chiều với Việt Nam.

Các nghiên cứu quốc tế về cộng đồng người di cư đã cung cấp nền tảng lý thuyết quan trọng cho bài viết. Lý thuyết di cư và hội nhập giải thích nguyên nhân di cư (kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, hôn nhân và gia đình) đồng thời phân tích cơ chế hội nhập vào nước sở tại (Castles và cộng sự, 2014). Lý thuyết di dân và phát triển nhấn mạnh mối quan hệ hai chiều giữa di cư và tiến trình phát triển, coi cộng đồng kiều bào không chỉ là hệ quả của toàn cầu hóa mà còn là tác nhân chủ động thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội thông qua kiều hối, đầu tư trực tiếp và nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế (de Haas, 2010). Lý thuyết này cũng chỉ ra vai trò của kiều bào trong việc chuyển giao tri thức, kiều hối, vốn, công nghệ và xây dựng mạng lưới kinh doanh quốc tế (Agunias và Newland, 2012), qua đó tăng cường năng lực cạnh tranh và sức mạnh mềm quốc gia. Dựa trên các lý thuyết, bài viết vận dụng khung phân tích ba chiều nhằm phân tích vị thế và vai trò của cộng đồng NVNONN, đồng thời nhận diện những cơ hội, thách thức và định hướng chính sách trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế:

Chiều cạnh động lực phát triển: NVNONN mang đến cơ hội trên các lĩnh vực kinh tế-tài chính (kiều hối, đầu tư, kết nối thị trường), tri thức và công nghệ (chuyển giao tri thức, đổi mới sáng tạo), ngoại giao và văn hóa (cầu nối quốc tế, quảng bá văn hóa), cũng như xã hội-cộng đồng (hỗ trợ đồng bào trong nước, kết nối mạng lưới toàn cầu).

Chiều cạnh thách thức hội nhập: NVNONN phải đối mặt với các rào cản từ nước sở tại (pháp lý, phân biệt đối xử, áp lực cạnh tranh), từ chính cộng đồng (phân tán, khác biệt thể hệ, nguy cơ mai một ngôn ngữ và bản sắc), từ quan hệ với quê hương (thủ tục, quốc

tịch, tiếp cận thông tin, cơ hội đầu tư), cũng như từ bối cảnh toàn cầu (suy thoái kinh tế, dịch bệnh, chiến tranh, cạnh tranh địa-chiến lược).

Chiều cạnh hàm ý chính sách: Yêu cầu xây dựng cơ chế pháp lý toàn diện và các chính sách thúc đẩy kết nối với kiều bào, trí thức, nhà khoa học và doanh nhân thông qua kênh ngoại giao nhân dân và hạ tầng số. Đồng thời, cần kết nối kiều bào xuyên quốc gia, đặc biệt là thế hệ trẻ, nhằm tăng cường vai trò và tầm ảnh hưởng của cộng đồng NVNONN.

3. Xu hướng và đặc điểm nổi bật của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài

Cộng đồng NVNONN mang tính đa dạng cao, được hình thành qua nhiều làn sóng di cư trong lịch sử và hiện diện tại hơn 130 quốc gia, vùng lãnh thổ. Sự đa dạng này thể hiện ở mục đích di cư, lĩnh vực hoạt động, trình độ, cũng như mức độ hội nhập khác nhau. Đây là nguồn lực phong phú, góp phần thúc đẩy phát triển đất nước, đồng thời cũng đặt ra những thách thức lớn trong hoạch định và thực thi chính sách phù hợp.

Trước hết, xu hướng mở rộng quy mô và đa dạng hóa thành phần là nổi bật nhất. Nếu trước năm 1975, cộng đồng NVNONN chủ yếu hình thành ở một số nước châu Âu và Bắc Mỹ với số lượng hạn chế, tập trung nhiều vào nhóm lưu học sinh cũ hoặc một số viên chức chuyên môn, thì sau khi thống nhất đất nước năm 1975 làn sóng di cư gắn với bối cảnh hậu chiến sang định cư tại Mỹ, Canada, Pháp, Úc. Bước sang giai đoạn Đổi mới, sự gia tăng nhanh chóng của lao động di cư, du học sinh và doanh nhân cho thấy một diện mạo mới, khi di cư không còn mang tính bị động mà gắn với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội và mở cửa hội nhập của đất nước, với thành phần đa dạng và mở rộng ra hơn 130 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Thứ hai, sự đa dạng trong mục đích di cư của người Việt Nam ra nước ngoài ngày càng thể hiện rõ nét. Nếu như trước đây, động cơ di cư chủ yếu xuất phát từ các yếu tố chính trị-xã hội, thì hiện nay đã chuyển mạnh sang các lý do kinh tế, việc làm, giáo dục, hôn nhân, gia đình và hội nhập xã hội. Các nhóm lao động theo hợp đồng và du học sinh chiếm tỷ trọng lớn tại khu vực Đông Á và ở nhiều quốc gia châu Âu. Cùng với đó, di cư theo diện đoàn tụ gia đình và hôn nhân xuyên quốc gia cũng gia tăng, phản ánh nhu cầu ổn định lâu dài và sự gắn bó của các thế hệ NVNONN tại nước đến. Xu hướng này cho thấy cộng đồng NVNONN không còn mang tính chất tạm thời mà ngày càng hướng tới sự ổn định, phát triển bền vững và hội nhập sâu rộng.

Thứ ba, sự mở rộng địa bàn cư trú sang các khu vực mới trên thế giới là một xu hướng đáng chú ý trong cộng đồng NVNONN. Nếu như trước đây, các trung tâm lớn của cộng đồng chủ yếu tập trung tại Mỹ, Pháp, Canada và Úc, Đông Âu và Liên Xô cũ thì trong vài thập kỷ gần đây, châu Á, đặc biệt là Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Singapore và Malaysia, đã nổi lên như những điểm đến quan trọng, nhất là đối với lao động có thời hạn, phụ nữ kết hôn với người nước ngoài và du học sinh. Sự dịch chuyển này phản ánh tác động của toàn cầu hóa cũng như nhu cầu nhân lực tại các nền kinh tế trong khu vực, đồng thời cho thấy sự thay đổi trong cấu trúc cư trú của NVNONN: từ định hướng tập trung ở các nước phát triển phương Tây sang mở rộng mạnh mẽ ở khu vực gần gũi hơn về địa lý, xã hội và văn hóa.

Bảng 1. Các giai đoạn, loại hình di cư và sự hình thành cộng đồng NVNONN

Giai đoạn	Khu vực cư trú chính	Thành phần chủ yếu	Mục đích	Lĩnh vực chính	Hội nhập	Đặc điểm nổi bật
Trước 1975	Mỹ, Pháp, Canada, Úc	Du học sinh, công nhân, trí thức, một bộ phận di cư chính trị	Du học, làm việc, định cư lâu dài	Giáo dục - đào tạo, lao động phổ thông, nghiên cứu khoa học, hoạt động chính trị	Hội nhập hạn chế, duy trì văn hóa truyền thống, hình thành cộng đồng người Việt gốc	Hình thành cộng đồng đầu tiên, tập trung cao, có tính tổ chức
1975-1990	Bắc Mỹ, Tây Âu, Ôxtrâyliya	Người tị nạn/thuyền nhân, đoàn tụ gia đình	Tị nạn/nhân đạo, định cư đoàn tụ lâu dài	Việc làm phổ thông, dịch vụ nhỏ, hoạt động cộng đồng, tôn giáo	Hội nhập khó khăn ban đầu, cộng đồng gắn bó, hình thành cộng đồng sau chiến tranh	Tăng trưởng nhanh, định cư lâu dài, hình thành tổ chức cộng đồng mạnh
1990-2000	Đông Âu và Liên Xô cũ, Trung Đông	Lao động có thời hạn, tiểu thương	Kinh tế, kinh doanh, buôn bán nhỏ	Công nhân nhà máy, buôn bán nhỏ, dịch vụ thủ công	Hội nhập phân hóa: lao động phổ thông gặp khó khăn, trí thức/doanh nhân hội nhập nhanh hơn	Cộng đồng đông đảo nhưng phân tán, gặp nhiều khó khăn về kinh tế, pháp lý và xã hội
2000-2010	Mỹ, Đức, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc	Du học sinh, chuyên gia, kết hôn xuyên quốc gia	Du học, nghiên cứu sinh, chuyên gia, trí thức, kết hôn - đoàn tụ gia đình, định cư lâu dài	Kinh doanh, nghiên cứu, giảng dạy, dịch vụ, công nghệ thông tin	Hội nhập đa dạng, bắt đầu hình thành tầng lớp trí thức/doanh nhân gắn kết với trong nước	Xuất hiện cộng đồng trẻ, thế hệ sinh ra tại nước sở tại, kết nối với Việt Nam
2010- đến nay	Tây Âu, Bắc Mỹ, Châu Á- TBD (Nhật Bản, Hàn, Singapore, Đài Loan, Ôxtrâyliya),	Lao động thời vụ, cô dâu, sinh viên, kỹ sư tay nghề cao, khởi nghiệp, chuyên gia	Lao động có thời hạn, du học, nghiên cứu, đoàn tụ gia đình, doanh nghiệp, chuyên gia, trí thức	Lao động, dịch vụ, công nghệ cao, khởi nghiệp, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo	Hội nhập sâu rộng, nhiều cá nhân thành công, vẫn tồn tại thách thức về pháp lý, bảo hộ lao động, sự gắn kết thế hệ trẻ	Cộng đồng năng động, di cư linh hoạt, theo xu hướng “di cư tuần hoàn” hai chiều

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

Thứ tư, cộng đồng NVNONN ngày càng đa dạng về lĩnh vực hoạt động và mức độ hội nhập, trải rộng từ lao động giản đơn, sản xuất công nghiệp, dịch vụ đến các ngành tri

thức cao như công nghệ thông tin, tài chính, y tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo. Nhóm doanh nhân, trí thức và chuyên gia tại các trung tâm khoa học-công nghệ lớn ngày càng khẳng định vị thế, góp phần thúc đẩy kết nối tri thức, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, mức độ hội nhập giữa các nhóm có sự khác biệt rõ rệt: trí thức và chuyên gia thường tham gia sâu vào các lĩnh vực then chốt, trong khi di cư lao động và kết hôn lại đối diện nhiều rào cản về pháp lý, ngôn ngữ và phúc lợi xã hội. Thực trạng này đặt ra yêu cầu xây dựng chính sách vừa khuyến khích hội nhập hiệu quả, vừa bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cộng đồng NVNONN.

Thứ năm, cộng đồng NVNONN đang xuất hiện các thể hệ mới song hành với sự phát triển mạnh của các mạng lưới xã hội xuyên quốc gia. Thế hệ thứ hai và thứ ba, đặc biệt tại các nước phát triển, ngày càng khẳng định vị thế trong nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật, qua đó góp phần nâng cao hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế. Đồng thời, sự bùng nổ công nghệ số và mạng xã hội thúc đẩy hình thành các mạng lưới kết nối rộng khắp, trở thành nguồn lực mềm quan trọng cho phát triển đất nước. Xu hướng này mở ra cơ hội huy động tri thức, tài chính và năng lực của kiều bào, đồng thời đặt ra yêu cầu đổi mới chính sách nhằm hỗ trợ kết nối, tạo môi trường thuận lợi để NVNONN phát huy vai trò đóng góp cho sự phát triển quê hương, đất nước.

Như vậy, NVNONN là một cộng đồng đa dạng, đa tầng và đa thế hệ, với xu hướng không ngừng mở rộng về quy mô, địa bàn cư trú, lĩnh vực hoạt động và mức độ hội nhập. NVNONN không chỉ là nguồn lực phong phú, quý giá cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mà còn đặt ra những yêu cầu mới về chính sách nhằm tăng cường gắn kết, phát huy tiềm năng, bảo vệ quyền lợi hợp pháp và khuyến khích sự tham gia chủ động, bền vững của cộng đồng vào tiến trình phát triển đất nước.

4. Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài: Động lực phát triển

Cộng đồng NVNONN là một bộ phận không thể tách rời của dân tộc, ngày càng khẳng định vị thế là nguồn lực quan trọng đối với sự phát triển đất nước. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, cộng đồng này đã trở thành một nguồn lực chiến lược, thể hiện trên nhiều phương diện: kinh tế-tài chính, khoa học-công nghệ-trí thức, ngoại giao-văn hóa, và xã hội-cộng đồng.

4.1. Kinh tế - tài chính

Một trong những đóng góp nổi bật nhất của NVNONN đối với Việt Nam là nguồn lực kiều hối. Theo Ngân hàng Thế giới (World Bank, 2023), lượng kiều hối chuyển về Việt Nam năm 2022 đạt khoảng 19 tỉ USD, đưa Việt Nam nằm trong Top 10 quốc gia nhận kiều hối lớn nhất thế giới và thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Nguồn tài chính này đã góp phần quan trọng vào cân đối vĩ mô, bổ sung nguồn vốn cho đầu tư, kinh doanh, tiêu dùng, giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống. Lượng kiều hối về Việt Nam giai đoạn 1993-2023 đạt xấp xỉ 230 tỷ USD, tương đương với nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã giải ngân trong cùng kỳ. Đặc biệt, từ năm 2020, kiều hối về Việt Nam đã vượt xa vốn viện trợ nước ngoài (ODA) cho Việt Nam (Ủy ban Nhà nước về NVNONN, 2023). Sự gia tăng lượng kiều hối không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế mà còn là biểu hiện của sự gắn bó của cộng đồng NVNONN đối với quê hương.

Bên cạnh nguồn kiều hối ổn định, cộng đồng NVNONN còn tham gia ngày càng tích cực vào các hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam. Tính đến cuối năm 2023, kiều bào từ 32 quốc gia và vùng lãnh thổ đã đầu tư 421 dự án với tổng vốn đăng ký 1,72 tỷ USD, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực công nghiệp chế biến-chế tạo, kinh doanh bất động sản, dịch vụ và công nghệ (Ủy ban Nhà nước về NVNONN, 2023). Đồng thời, doanh nghiệp kiều bào cũng giữ vai trò cầu nối thị trường, đưa hàng hóa Việt Nam, đặc biệt là nông sản, thực phẩm chế biến và sản phẩm thủ công mỹ nghệ, tiếp cận các thị trường quốc tế, qua đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy hội nhập kinh tế toàn cầu của đất nước.

4.2. Khoa học - công nghệ - tri thức

Một đặc điểm nổi bật là cộng đồng NVNONN có đội ngũ trí thức và chuyên gia lớn, trong đó nhiều người giữ vị trí cao tại các viện nghiên cứu, trường đại học, tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới. Theo thống kê chưa đầy đủ, có hơn 5.000 trí thức NVNONN làm việc trong các ngành mũi nhọn như trí tuệ nhân tạo, y sinh, vật liệu mới, năng lượng tái tạo (Ủy ban Nhà nước về NVNONN, 2023). Sự tham gia của họ vào các dự án nghiên cứu, chuyển giao công nghệ ở Việt Nam để lại nhiều dấu ấn, tiêu biểu là Chương trình Kết nối trí thức kiều bào với đổi mới sáng tạo quốc gia (2018-2023), thu hút hàng trăm nhà khoa học gốc Việt tư vấn, giảng dạy, hợp tác nghiên cứu, góp phần xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong nước.

Cùng với trí thức, đội ngũ doanh nhân NVNONN cũng ngày càng phát huy vai trò cầu nối hội nhập kinh tế quốc tế. Nhiều doanh nhân thành công đã quay về đầu tư hoặc hỗ trợ khởi nghiệp trong các lĩnh vực công nghệ cao, thương mại điện tử, nông nghiệp thông minh. Đội ngũ này mang đến nguồn vốn đầu tư, kinh nghiệm quản trị hiện đại, mạng lưới đối tác toàn cầu và tinh thần khởi nghiệp sáng tạo, qua đó thúc đẩy chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo điều kiện để doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

4.3. Ngoại giao - văn hóa

Cộng đồng NVNONN không chỉ là nguồn lực phát triển mà còn là cầu nối quan trọng trong ngoại giao nhân dân, góp phần gia tăng sức mạnh mềm của Việt Nam trên trường quốc tế. Nhiều hội đoàn kiều bào chủ động tham gia vận động, cung cấp thông tin tích cực, khách quan về tình hình đất nước, qua đó góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia và nâng cao hình ảnh Việt Nam. Trên phương diện văn hóa, cộng đồng NVNONN vừa là chủ thể gìn giữ bản sắc dân tộc, vừa là lực lượng quảng bá rộng rãi hình ảnh đất nước ra thế giới. Các lễ hội, sự kiện văn hóa, nghệ thuật, ẩm thực thường niên được tổ chức tại Mỹ, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc và nhiều quốc gia châu Âu đã tạo dấu ấn tốt đẹp, giúp củng cố vị thế quốc gia và gia tăng sự hiện diện văn hóa Việt Nam trên toàn cầu. Đồng thời, hoạt động dạy và học tiếng Việt trong một số cộng đồng tiếp tục được duy trì, góp phần bảo tồn ngôn ngữ, gắn kết các thế hệ kiều bào, đặc biệt là thế hệ trẻ, với cội nguồn và quê hương.

4.4. Xã hội - cộng đồng

Ở phương diện xã hội - cộng đồng, NVNONN giữ vai trò kết nối mạng lưới toàn cầu thông qua các hiệp hội nghề nghiệp, diễn đàn kinh doanh, khoa học, khởi nghiệp, tạo không gian chia sẻ tri thức, kinh nghiệm và mở rộng hợp tác. Đồng thời, cộng đồng thể hiện tinh thần gắn bó dân tộc qua các hoạt động hỗ trợ đồng bào trong nước. Trong đại dịch COVID-

19, nhiều hội nhóm kiều bào đã quyên góp hàng chục triệu USD cùng thiết bị y tế; khi bão lũ xảy ra ở miền Trung, phát động các chiến dịch cứu trợ, góp phần giảm nhẹ khó khăn cho người dân.

5. Những thách thức hội nhập của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài

Quá trình hội nhập của NVNONN mở ra nhiều cơ hội đóng góp cho quê hương, song cũng đặt ra không ít thách thức từ môi trường pháp lý, kinh tế, văn hóa xã hội ở nước sở tại, đặc điểm nội tại cộng đồng và biến động toàn cầu. Nhận diện rõ các rào cản này là cơ sở để xây dựng chính sách phù hợp, qua đó phát huy tiềm năng NVNONN, đóng góp vào sự phát triển và nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam.

5.1. Rào cản từ phía xã hội sở tại

Một trong những khó khăn lớn nhất của NVNONN là các vấn đề pháp lý liên quan đến cư trú, lao động và quyền công dân. Tại nhiều quốc gia phát triển, người nhập cư phải đối mặt với thủ tục hành chính phức tạp, chi phí cao và các ràng buộc nghiêm ngặt về giấy phép lao động. Ở Nhật Bản, nơi có hơn 570 nghìn người Việt sinh sống và làm việc, nhiều lao động và du học sinh gặp khó khăn khi gia hạn visa hoặc chuyển đổi sang thị thực dài hạn, hạn chế khả năng hội nhập (Sunai, 2020). Ở châu Âu, các quy định về bảo lãnh gia đình, hạn ngạch visa và yêu cầu tay nghề ngày càng khắt khe khiến cho người nhập cư, trong đó có một bộ phận người Việt, phải kéo dài tình trạng cư trú tạm thời, thiếu ổn định và khó tiếp cận các dịch vụ an sinh cơ bản (EMN, 2024). Tại Nga, cộng đồng người Việt lâu đời cũng đối diện nguy cơ bị xử phạt hoặc bắt giữ nếu vi phạm quy định cư trú và giấy phép lao động, dẫn đến những bấp bênh trong đời sống và công việc (Ryazantsev và cộng sự, 2022). Những rào cản này ảnh hưởng trực tiếp đến cơ hội hội nhập và phát triển bền vững của cộng đồng NVNONN.

Định kiến xã hội và sự phân biệt đối xử vẫn tồn tại ở một số quốc gia, khiến một bộ phận NVNONN gặp khó khăn trong tiếp cận thị trường việc làm chất lượng cao. Báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO, 2023) chỉ ra rằng lao động nhập cư gốc Á, trong đó có người Việt, thường bị hạn chế cơ hội thăng tiến và có mức thu nhập trung bình thấp hơn so với lao động bản địa. Đồng thời, áp lực cạnh tranh trên thị trường lao động quốc tế ngày càng gia tăng trong bối cảnh tự động hóa và chuyển đổi số, dẫn đến nhiều lao động Việt Nam có tay nghề thấp có nguy cơ bị thay thế và mất việc làm.

5.2. Thách thức trong nội tại cộng đồng NVNONN

Một thách thức nổi bật của cộng đồng NVNONN là tính phân tán cao, hiện diện tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau. Mặc dù mang lại sự đa dạng về kinh nghiệm, văn hóa và ngành nghề, song lại hạn chế mức độ gắn kết giữa các nhóm cộng đồng, khiến việc chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và nguồn lực trở nên khó khăn. Nhiều hội đoàn, câu lạc bộ hay mạng lưới kiều bào hoạt động rời rạc, manh mún, thiếu phối hợp liên thể hệ, khiến huy động và sử dụng nguồn lực kém hiệu quả. Hệ quả là các sáng kiến cộng đồng khó triển khai bền vững, tiềm năng đóng góp cho phát triển kinh tế-xã hội, văn hóa và ngoại giao quốc gia chưa được khai thác đầy đủ, hạn chế sức mạnh mềm, thu hút tri thức và đầu tư, cũng như phát huy tiềm năng to lớn của NVNONN trong xây dựng quê hương, đất nước.

Trong khi thế hệ thứ nhất thường duy trì mối liên hệ chặt chẽ với quê hương, thế hệ thứ hai và thứ ba, sinh ra và trưởng thành ở nước ngoài, có xu hướng hội nhập sâu vào xã

hội sở tại. Họ ít có cơ hội tiếp xúc với trong nước, ít sử dụng tiếng Việt và dần xa rời các giá trị truyền thống. Quá trình toàn cầu hóa văn hóa cùng với sự lan tỏa mạnh mẽ của mạng xã hội và các nền tảng số khiến thế hệ trẻ tiếp nhận lối sống, tư duy và bản sắc toàn cầu nhiều hơn là gắn bó với cội nguồn. Khi ngôn ngữ và bản sắc văn hóa bị suy giảm, sự gắn kết với quê hương cũng có nguy cơ bị mai một, tạo ra khoảng cách giữa các thế hệ trong gia đình cũng như làm suy yếu tính thống nhất và sức mạnh của cộng đồng.

5.3. Khó khăn kết nối và gắn kết với quê hương

Mặc dù sở hữu tiềm năng to lớn, cộng đồng NVNONN vẫn đối mặt với nhiều rào cản liên quan đến thủ tục pháp lý, môi trường đầu tư và cơ chế thu hút trí thức. Việc kết nối với quê hương còn gặp trở ngại do các quy định về quốc tịch, cùng những giới hạn trong quyền sở hữu tài sản và đất đai tại Việt Nam. Về hành chính, dù đã có cải cách, các thủ tục liên quan đến đầu tư, chuyển tiền hay cấp giấy tờ vẫn phức tạp và kéo dài, làm gia tăng chi phí (Ủy ban Nhà nước về NVNONN, 2023). Những hạn chế này không chỉ làm suy giảm động lực tham gia trực tiếp vào hoạt động kinh tế-xã hội trong nước, mà còn thu hẹp cơ hội phát huy nguồn lực kiều bào cho sự phát triển đất nước.

Bên cạnh những rào cản pháp lý và thủ tục hành chính, việc tiếp cận thông tin chính thức về cơ hội đầu tư, chính sách ưu đãi hay các dự án phát triển trong nước của NVNONN vẫn còn hạn chế. Nhiều trí thức, doanh nhân và nhà đầu tư gốc Việt thiếu kênh thông tin cập nhật, minh bạch và đáng tin cậy để kết nối hiệu quả với quê hương. Trong bối cảnh đó, chính sách cần tập trung tháo gỡ các vướng mắc, đồng thời tăng cường các cơ chế gắn kết cộng đồng, hỗ trợ thế hệ trẻ duy trì ngôn ngữ và văn hóa Việt. Việc tạo dựng một môi trường thuận lợi để NVNONN tham gia sâu hơn vào các hoạt động kinh tế-xã hội sẽ giúp chuyển hóa thách thức thành động lực phát triển.

5.4. Biến động toàn cầu và những tác động gián tiếp

Bối cảnh toàn cầu đầy biến động hiện nay đang tạo ra nhiều thách thức đối với cộng đồng NVNONN. Đại dịch COVID-19 cho thấy tính dễ tổn thương của lao động di cư, khi hàng trăm nghìn người Việt tại khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á phải về nước trong giai đoạn 2020-2021 do mất việc làm và gián đoạn chuỗi cung ứng (ILO, 2023). Sau đại dịch, những biến động kinh tế toàn cầu, lạm phát gia tăng và nguy cơ suy thoái tại nhiều quốc gia tiếp tục ảnh hưởng đến việc làm, thu nhập của kiều bào. Đặc biệt, xung đột vũ trang, cạnh tranh địa-chiến lược giữa các cường quốc và tình trạng bất ổn an ninh tại một số khu vực trên thế giới làm gia tăng rủi ro trực tiếp đến đời sống và sinh kế của cộng đồng người Việt. Xu hướng nhiều quốc gia siết chặt chính sách nhập cư khiến NVNONN đối diện nguy cơ bị thu hẹp cơ hội cư trú, học tập và tham gia thị trường lao động chất lượng cao. Những thách thức đan xen này không chỉ tác động đến cuộc sống mà còn ảnh hưởng đến tiến trình hội nhập, an ninh, an toàn của cộng đồng NVNONN.

6. Một số hàm ý chính sách

Cộng đồng NVNONN hiện đang đứng trước cả thách thức lẫn cơ hội trong bối cảnh toàn cầu đầy biến động. Thách thức nổi bật hiện nay là tình trạng siết chặt chính sách nhập cư, thị thực, điều kiện cư trú và các yêu cầu ngày càng khắt khe về kỹ năng lao động tại nhiều quốc gia, khiến quá trình định cư, việc làm và tiếp cận phúc lợi xã hội trở nên khó khăn, thiếu ổn định, hạn chế khả năng tham gia các hoạt động kinh tế-xã hội chính thức.

Ngoài ra, sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa và hệ thống pháp luật tại nước sở tại cũng làm gia tăng rào cản hội nhập. Tuy nhiên, cơ hội lại đến từ xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cùng với sự bùng nổ của kỷ nguyên số, khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhu cầu kết nối toàn cầu của Việt Nam. Những yếu tố này là điều kiện thuận lợi để NVNONN không chỉ tham gia vào các chuỗi giá trị mới mà còn trở thành cầu nối tri thức, vốn và công nghệ, qua đó góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững của đất nước.

Để cộng đồng NVNONN trở thành động lực phát triển đất nước, chính sách cần tập trung vào bốn định hướng chủ yếu: i) bảo đảm quyền lợi hợp pháp và môi trường ổn định cho kiều bào; ii) phát huy vai trò của doanh nhân, trí thức và nhà khoa học trong các lĩnh vực ưu tiên; iii) xây dựng hạ tầng số và ứng dụng công nghệ hiện đại để tăng cường kết nối và chia sẻ tri thức; và (iv) gìn giữ bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, đặc biệt cho thế hệ trẻ. Một chiến lược tổng thể, liên ngành, kết hợp chặt chẽ ngoại giao, kinh tế và văn hóa-xã hội sẽ vừa củng cố sức mạnh mềm quốc gia, vừa lan tỏa hình ảnh Việt Nam hiện đại, hội nhập và thịnh vượng. Cần triển khai đồng bộ các nhóm chính sách trọng tâm, trọng điểm sau đây:

Một là, hoàn thiện khung pháp lý toàn diện cho NVNONN. Đây là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của kiều bào và khuyến khích họ tham gia tích cực vào các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội. Môi trường pháp lý minh bạch, thuận lợi là nền tảng để NVNONN yên tâm đầu tư, kinh doanh và gắn kết với quê hương. Các chính sách về quốc tịch, cư trú, sở hữu tài sản, cần tiếp tục hoàn thiện, linh hoạt và phù hợp với thông lệ quốc tế. Việc sửa đổi Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2014, cho phép công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài được mang hai quốc tịch, là một bước tiến quan trọng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều thủ tục hành chính vẫn còn phức tạp, cần được đơn giản hóa để tạo thuận lợi hơn cho cộng đồng NVNONN.

Hai là, tăng cường kết nối tri thức và doanh nhân kiều bào. Việt Nam hiện có hàng trăm nghìn trí thức NVNONN đang làm việc tại các trung tâm khoa học-công nghệ hàng đầu thế giới (Ủy ban Nhà nước về NVNONN, 2022). Đây là nguồn lực trí tuệ quý giá, có khả năng thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, đổi mới sáng tạo, hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đồng thời hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp. Chính phủ cần thiết lập các cơ chế thu hút, khuyến khích trí thức, chuyên gia và doanh nhân kiều bào tham gia vào các dự án khoa học-công nghệ trọng điểm và các lĩnh vực ưu tiên quốc gia. Kinh nghiệm Ấn Độ cho thấy việc huy động kiều bào trong lĩnh vực công nghệ cao đã thúc đẩy đột phá kinh tế số, cho thấy tiềm năng lớn của NVNONN nếu được kết nối và hỗ trợ hệ thống.

Ba là, đẩy mạnh ngoại giao nhân dân và văn hóa. Nhu cầu giao lưu văn hóa giữa NVNONN và quê hương là rất lớn, đồng thời đây cũng là kênh quan trọng nâng cao “sức mạnh mềm” của Việt Nam. Chính sách cần phát huy vai trò NVNONN trong các hoạt động đối ngoại văn hóa, giáo dục và kinh tế, đồng thời thúc đẩy bảo tồn tiếng Việt, phát triển bản sắc văn hóa và truyền thống trong cộng đồng. Việc thu hút và gắn kết thế hệ trẻ NVNONN là yếu tố then chốt. Để đạt được điều này, cần hỗ trợ tài liệu dạy tiếng Việt, cung cấp nguồn học liệu số, đào tạo giáo viên cộng đồng và tạo cơ chế thuận lợi để kiều bào tham gia các hoạt động giao lưu nhân dân và hợp tác quốc tế.

Bốn là, phát triển hạ tầng kết nối số cho kiều bào. Trong kỷ nguyên số, một cổng dữ liệu thống nhất về NVNONN cùng nền tảng trực tuyến đa chức năng sẽ là công cụ quan trọng để gắn kết kiều bào với Tổ quốc. Hệ thống này không chỉ cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật và cơ hội đầu tư - kinh doanh, mà còn tạo môi trường trao đổi tri thức, hợp tác dự án và kết nối giữa các cộng đồng kiều bào, hình thành mạng lưới khởi nghiệp toàn cầu. Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm xây dựng “Digital Diaspora Platform” của Hàn Quốc để thiết kế mô hình phù hợp với điều kiện thực tiễn².

Năm là, cần chú trọng chính sách dành cho thế hệ trẻ NVNONN - thế hệ kế cận, quyết định sự bền vững trong mối liên hệ của cộng đồng với quê hương. Việc triển khai các chương trình đào tạo, học bổng, thực tập, giao lưu văn hóa, thể thao và hoạt động tình nguyện về nước giúp phát huy năng lực, bản sắc và khả năng hội nhập quốc tế của họ. Đây là nền tảng quan trọng để thế hệ kế thừa tiếp tục đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước. Thực tế, các chương trình như “Trại hè Việt Nam” đã thu hút hàng nghìn thanh niên kiều bào, song cần được đổi mới cả về nội dung và hình thức, gắn kết chặt chẽ với các lĩnh vực công nghệ, khởi nghiệp và kinh tế số.

Năm là, chú trọng chính sách dành cho thế hệ trẻ NVNONN. Đây chính là thế hệ kế cận quyết định sự bền vững trong mối liên hệ của cộng đồng với quê hương, góp vào phát triển bền vững của đất nước. Việc triển khai các chương trình đào tạo, học bổng, thực tập, giao lưu văn hóa, thể thao và hoạt động tình nguyện về nước giúp phát huy năng lực, bản sắc và khả năng hội nhập quốc tế của họ. Thực tế, các chương trình như “Trại hè Việt Nam” đã thu hút hàng nghìn thanh niên kiều bào, song cần được đổi mới về nội dung và hình thức, đồng thời gắn kết chặt chẽ với các lĩnh vực công nghệ, khởi nghiệp và kinh tế số.

7. Kết luận

Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời của dân tộc, vừa là nguồn lực quan trọng cho sự phát triển đất nước, vừa đối diện với nhiều thách thức hội nhập trong bối cảnh toàn cầu hóa. Trên bình diện kinh tế-tài chính, kiều hối liên tục tăng trưởng, giữ vai trò là nguồn vốn ngoại tệ quan trọng, đồng thời mở ra các kênh kết nối thị trường quốc tế cho doanh nghiệp Việt Nam. Trong lĩnh vực khoa học-công nghệ và tri thức, đội ngũ trí thức kiều bào là cầu nối trong chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và đào tạo nhân lực chất lượng cao. Về phương diện ngoại giao và văn hóa, NVNONN trở thành cầu nối hiệu quả, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế và sức mạnh mềm của Việt Nam trên trường quốc tế. Đồng thời, trong những thời điểm khó khăn như dịch bệnh hay thiên tai, cộng đồng kiều bào đã thể hiện tinh thần đoàn kết, hướng về quê hương qua các hoạt động hỗ trợ thiết thực.

Tuy nhiên, NVNONN đang đối mặt với nhiều rào cản trong hội nhập và gắn kết với quê hương. Đó là những khó khăn, thách thức về pháp lý cư trú, lao động, phân biệt đối xử

² Digital Diaspora Platform’ là nền tảng số cộng đồng di cư do Hàn Quốc xây dựng nhằm kết nối, cung cấp thông tin và tạo mạng lưới hợp tác giữa kiều bào với nhau cũng như với trong nước, qua đó khai thác hiệu quả nguồn lực của cộng đồng người Hàn ở nước ngoài cho phát triển quốc gia.

và áp lực cạnh tranh nghề nghiệp tại nước sở tại. Sự phân tán, khác biệt thể hệ và nguy cơ mai một ngôn ngữ, bản sắc văn hóa vẫn hiện hữu trong nội tại cộng đồng. Sự gắn kết với quê hương còn hạn chế do các thủ tục hành chính, quốc tịch và cơ hội đầu tư. Bên cạnh đó, biến động kinh tế, xung đột địa-chính trị, dịch bệnh và cạnh tranh công nghệ toàn cầu đang tạo thêm thách thức, đòi hỏi chính sách dành cho NVNONN phải linh hoạt, toàn diện và thích ứng. Như vậy, cần xây dựng một chiến lược dài hạn, tích hợp pháp lý, kinh tế, văn hóa và hạ tầng số, chú trọng thế hệ trẻ, tạo điều kiện để cộng đồng NVNONN thực sự trở thành động lực phát triển bền vững, góp phần lan tỏa sức mạnh mềm và củng cố hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế.

Cần ưu tiên xây dựng cơ sở dữ liệu về NVNONN nhằm phục vụ hoạch định chính sách, tăng cường kết nối và hỗ trợ nghiên cứu khoa học về đặc điểm kinh tế-xã hội, nhu cầu và tiềm năng của cộng đồng. Nguồn dữ liệu này sẽ là nền tảng hình thành mạng lưới tri thức toàn cầu của NVNONN, đồng thời tạo điều kiện thu hút, kết nối chuyên gia, trí thức và nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đặc biệt, cơ sở dữ liệu còn có vai trò quan trọng trong việc thu hút, kết nối thế hệ trẻ NVNONN với quê hương, góp phần nuôi dưỡng tình cảm gắn bó, giữ gìn tiếng Việt và bản sắc văn hóa trong bối cảnh hội nhập đa văn hóa toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

- Castles, S., de Haas, H., and Miller, M. J. 2014. *The age of migration: International population movements in the modern world* (5th ed.). Palgrave Macmillan.
- Dang, N. A., Nghiem, T. T., Nguyen, Q. T., Ho, N. C., Nguyen, T. L. and Khuat, D. L. 2024. *Aspiring migrants' behaviour in mobility policies: The case of Vietnam*. Brussels: AspirE.
- de Haas, H. 2010. Migration and development: A theoretical perspective. *International Migration Review*, 44(1), 227-264.
- EMN (European Migration Network). 2024. *Annual Report on Migration and Asylum 2023*: European Commission.
- International Labour Organization (ILO). 2023. *Labor Migration in Asia: Changing profiles and processes*. Bangkok: ADB Institute, OECD, and ILO.
- International Organization for Migration (IOM). 2012. *Developing a Road Map for Engaging Diasporas in Development: A Handbook for Policymakers and Practitioners in Home and Host Countries*. Geneva: IOM.
- International Organization for Migration (IOM). 2024. *World Migration Report 2024*. Geneva: IOM.
- Ryazantsev, S. V., Le, D. A., Phung, H. H., and Moiseeva, E. M. 2022. Overseas Vietnamese in Russia and their contributions to the promotion of Bilateral Relations. *The Russian Journal of Vietnamese Studies*, 6(3), 34-45.
- Sunai, N. 2020. *Runaway and Resistance against and within Migration Infrastructures: The cases of Vietnamese migrant workers in Japan and Taiwan*. Paper presented at the 13th Next-Generation Global Workshop, November 2020, Vietnam Academy of Social Science, Ha Noi.
- Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài. 2023. *Báo cáo công tác Người Việt Nam ở nước ngoài*. Hà Nội: Ủy ban NN về NVNONN, Bộ Ngoại giao.
- World Bank. 2023. *Migration and Development Brief 38, June 2023*. Washington, DC: World Bank.